QUỐC HỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Luật số: 138/2025/QH15

LUẬT
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT THỐNG KÊ

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thống kê số 89/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 01/2021/QH15.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thống kê

1. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 3 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

"5. *Cơ sở dữ liệu thống kê* là tập hợp những dữ liệu, thông tin thống kê có liên quan với nhau được sắp xếp, tổ chức theo một cấu trúc nhất định để khai thác, quản lý và cập nhật phục vụ cho mục đích thống kê và mục đích khác theo quy định của pháp luật. Cơ sở dữ liệu thống kê được hình thành chủ yếu từ dữ liệu, thông tin thống kê của điều tra thống kê, hồ sơ hành chính, báo cáo thống kê và cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu của địa phương.";

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 8 và khoản 9 như sau:

"8. *Điều tra thống kê* là hình thức thu thập dữ liệu, thông tin thống kê về đối tượng nghiên cứu cụ thể theo phương pháp khoa học, thống nhất được xác định trong phương án điều tra thống kê cho mỗi cuộc điều tra.

9. *Điều tra viên thống kê* là người được cơ quan, tổ chức tiến hành điều tra thống kê trưng tập, huy động để thực hiện, hướng dẫn việc thu thập thông tin của cuộc điều tra thống kê.";

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 11 như sau:

"11. *Hoạt động thống kê* là hoạt động xác định nhu cầu thông tin cần thu thập, chuẩn bị thu thập, thu thập, xử lý và tổng hợp, phân tích và dự báo, công bố phổ biến, lưu trữ, đánh giá chất lượng thông tin thống kê về hiện tượng nghiên cứu trong điều kiện không gian và thời gian cụ thể.".

2. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 5 như sau:

"b) Bình đẳng trong tiếp cận, khai thác và sử dụng dữ liệu, thông tin thống kê nhà nước đã được công bố;".

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

"Điều 8. Kiểm tra chuyên ngành thống kê

1. Kiểm tra chuyên ngành thống kê là việc xem xét, đánh giá, xử lý của cơ quan, người có thẩm quyền đối với việc chấp hành pháp luật về thống kê của cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý nhà nước về thống kê.

2. Kiểm tra chuyên ngành thống kê thực hiện theo quy định của pháp luật về kiểm tra chuyên ngành.".

4. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 14 như sau:

"b) Thông tin thống kê do cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã; Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân khu vực thực hiện, cung cấp cho bộ, ngành tổng hợp.".

5. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 15 như sau:

"b) Thông tin thống kê do cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh; tổ chức, đơn vị thuộc bộ, ngành, cơ quan trung ương tại đơn vị hành chính cấp tỉnh thực hiện, cung cấp cho cơ quan thống kê cấp tỉnh tổng hợp.".

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 16 như sau:

"Điều 16. Hệ thống thông tin thống kê cấp xã

1. Hệ thống thông tin thống kê cấp xã phản ánh tình hình kinh tế - xã hội chủ yếu của đơn vị hành chính cấp xã.

2. Hệ thống thông tin thống kê cấp xã gồm:

a) Thông tin thống kê do cơ quan thống kê cơ sở thực hiện;

b) Thông tin thống kê do cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã, Tòa án nhân dân khu vực, Viện kiểm sát nhân dân khu vực, thuế cơ sở, bảo hiểm xã hội cấp cơ sở, các cơ quan khác trên địa bàn cấp xã thực hiện, cung cấp cho cơ quan thống kê cơ sở tổng hợp.

3. Người đứng đầu cơ quan thống kê cơ sở chịu trách nhiệm quản lý hệ thống thông tin thống kê cấp xã.

Người đứng đầu cơ quan quy định tại điểm b khoản 2 Điều này chịu trách nhiệm quản lý thông tin thống kê trong phạm vi ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách.".

7. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 19 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

"1. Hệ thống chỉ tiêu thống kê bộ, ngành là tập hợp các chỉ tiêu thống kê do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước ban hành để thu thập thông tin thống kê hình thành hệ thống thông tin thống kê bộ, ngành và hệ thống thông tin thống kê quốc gia.";

b) Bổ sung khoản 1a vào sau khoản 1 như sau:

"1a. Hệ thống chỉ tiêu thống kê bộ, ngành gồm hệ thống chỉ tiêu thống kê liên quan đến ngành, lĩnh vực do bộ, ngành phụ trách và hệ thống chỉ tiêu thống kê liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực, nhiều địa phương, nhiều vùng do bộ, ngành được giao phụ trách.";

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

"2. Các chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê bộ, ngành do:

a) Bộ, ngành thực hiện;

b) Bộ, ngành và các cơ quan có liên quan được phân công thực hiện theo yêu cầu quản lý ngành, lĩnh vực;

c) Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã; Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân khu vực thực hiện, cung cấp cho bộ, ngành tổng hợp.";

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

"4. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê bộ, ngành.".

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 20 như sau:

"4. Thời hạn thẩm định là 10 ngày, trường hợp có nội dung phức tạp thì thời hạn thẩm định không quá 20 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm định nhận đủ hồ sơ gửi thẩm định.".

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 22 như sau:

"**Điều 22. Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp xã**

1. Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh là tập hợp các chỉ tiêu thống kê để hình thành hệ thống thông tin thống kê cấp tỉnh, hệ thống thông tin thống kê bộ, ngành và hệ thống thông tin thống kê quốc gia.

Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp xã là tập hợp các chỉ tiêu thống kê để hình thành hệ thống thông tin thống kê cấp xã, hệ thống thông tin thống kê cấp tỉnh, hệ thống thông tin thống kê bộ, ngành.

2. Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp xã là cơ sở để phân công, phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong hoạt động thống kê ở từng cấp và trong việc

xây dựng chế độ báo cáo thống kê cấp bộ, ngành, chế độ báo cáo thống kê cấp tỉnh, cấp xã.

3. Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp xã được xây dựng phù hợp với hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, hệ thống chỉ tiêu thống kê bộ, ngành và đáp ứng yêu cầu quản lý của địa phương.

4. Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp xã.".

10. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 26 như sau:

"4. Thời hạn thẩm định là 10 ngày, trường hợp có nội dung phức tạp thì thời hạn thẩm định không quá 20 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm định nhận đủ hồ sơ gửi thẩm định.".

11. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 27 như sau:

"2. Tổng điều tra thống kê quốc gia và điều tra thống kê ngoài chương trình điều tra thống kê quốc gia.".

12. Sửa đổi, bổ sung Điều 28 như sau:

"**Điều 28. Chương trình điều tra thống kê quốc gia**

1. Chương trình điều tra thống kê quốc gia do Thủ tướng Chính phủ quyết định, được tiến hành định kỳ nhằm thu thập thông tin chủ yếu để tổng hợp các chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia.

Chương trình điều tra thống kê quốc gia gồm tên cuộc điều tra, mục đích, đối tượng, đơn vị, loại điều tra, nội dung điều tra chủ yếu, kỳ điều tra và cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp thực hiện.

Chương trình điều tra thống kê quốc gia là căn cứ để các bộ, ngành xây dựng kế hoạch điều tra thống kê, phương án điều tra thống kê, dự toán kinh phí và thực hiện các cuộc điều tra thống kê.

2. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

a) Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung chương trình điều tra thống kê quốc gia;

b) Hướng dẫn, kiểm tra và báo cáo kết quả thực hiện chương trình điều tra thống kê quốc gia.

3. Thẩm quyền quyết định điều tra trong chương trình điều tra thống kê quốc gia được quy định như sau:

a) Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định tổng điều tra thống kê quốc gia quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản 1 Điều 29 của Luật này;

b) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước quyết định điều tra thống kê được phân công trong chương trình điều tra thống kê quốc gia;

c) Thủ trưởng Cơ quan thống kê trung ương quyết định điều tra đối với các cuộc điều tra thống kê được phân công cho Bộ Tài chính thực hiện trong chương trình điều tra thống kê quốc gia.".

13. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 29 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 như sau:

"b) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước thực hiện tổng điều tra quy định tại điểm d khoản 1 Điều này.";

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

"3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước quyết định điều chỉnh, bổ sung tổng điều tra thống kê quốc gia được phân công thực hiện.".

14. Sửa đổi, bổ sung Điều 30 như sau:

"**Điều 30. Điều tra thống kê ngoài chương trình điều tra thống kê quốc gia**

1. Điều tra thống kê ngoài chương trình điều tra thống kê quốc gia gồm:

a) Tổng điều tra thống kê quốc gia theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 29 của Luật này;

b) Điều tra thống kê đột xuất khi có thiên tai, dịch bệnh hoặc trường hợp đột xuất khác;

c) Điều tra thống kê nhằm thu thập thông tin về các chỉ tiêu thống kê phục vụ yêu cầu quản lý của bộ, ngành thuộc lĩnh vực phụ trách nhưng không thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia;

d) Điều tra thống kê nhằm thu thập thông tin có tính chất đặc thù phục vụ yêu cầu quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Thẩm quyền quyết định điều tra thống kê ngoài chương trình điều tra thống kê quốc gia được quy định như sau:

a) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước quyết định điều tra thống kê quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều tra thống kê quy định tại điểm d khoản 1 Điều này.".

15. Sửa đổi, bổ sung một số điểm của khoản 2 Điều 31 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm d như sau:

"d) Thời điểm, thời kỳ, thời gian thu thập thông tin và phương pháp điều tra;";

b) Sửa đổi, bổ sung điểm g như sau:

"g) Quy trình xử lý thông tin, tổng hợp kết quả điều tra;".

16. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 và khoản 4 Điều 32 như sau:

"3. Nội dung thẩm định gồm mục đích, phạm vi, đối tượng, đơn vị điều tra, loại điều tra, thời điểm, thời kỳ, thời gian thu thập thông tin và phương pháp điều tra, nội dung, phiếu điều tra và phân loại thống kê sử dụng trong điều tra.

4. Thời hạn thẩm định là 10 ngày, trường hợp có nội dung phức tạp thì thời hạn thẩm định không quá 20 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm định nhận đủ hồ sơ gửi thẩm định. Trường hợp thẩm định phương án điều tra thống kê quy định tại điểm b khoản 1 Điều 30 của Luật này thì thời hạn thẩm định là 05 ngày làm việc.".

17. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 33 như sau:

"c) Chịu sự kiểm tra của cơ quan tiến hành điều tra thống kê về thông tin đã cung cấp.".

18. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 34 như sau:

"a) Thực hiện, hướng dẫn thu thập thông tin theo đúng phương án điều tra thống kê và hướng dẫn của cơ quan tiến hành điều tra thống kê;".

19. Bổ sung điểm c khoản 1 Điều 40 như sau:

"c) Chế độ báo cáo thống kê cấp tỉnh, cấp xã.".

20. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 42 như sau:

"a) Bộ, ngành và các cơ quan có liên quan; tổ chức, đơn vị thuộc bộ, ngành; cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã; Tòa án nhân dân

cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân khu vực;".

21. Bổ sung Điều 42a vào sau Điều 42 như sau:

"**Điều 42a. Chế độ báo cáo thống kê cấp tỉnh, cấp xã**

1. Chế độ báo cáo thống kê cấp tỉnh, cấp xã được thực hiện để thu thập thông tin thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp xã.

2. Cơ quan, tổ chức thực hiện chế độ báo cáo thống kê cấp tỉnh, cấp xã gồm:

a) Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã; Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân khu vực; cơ quan thống kê cấp tỉnh, cơ quan thống kê cơ sở; cơ quan thuế cấp tỉnh, thuế cơ sở; bảo hiểm xã hội cấp tỉnh, bảo hiểm xã hội cấp cơ sở;

b) Cơ quan, tổ chức khác theo quy định của pháp luật.

3. Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành chế độ báo cáo thống kê cấp tỉnh, cấp xã.".

22. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 43 như sau:

"4. Thời hạn thẩm định là 10 ngày, trường hợp có nội dung phức tạp thì thời gian thẩm định không quá 20 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm định nhận đủ hồ sơ gửi thẩm định.".

23. Sửa đổi, bổ sung tên Chương V như sau:

"CHƯƠNG V

NGHIÊN CỨU, ỨNG DỤNG PHƯƠNG PHÁP THỐNG KÊ, CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ HỢP TÁC QUỐC TẾ TRONG HOẠT ĐỘNG THỐNG KÊ NHÀ NƯỚC".

24. Sửa đổi, bổ sung Điều 51 như sau:

"**Điều 51. Phát triển, ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số**

1. Nhà nước ưu tiên đầu tư phát triển, ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động thống kê nhà nước gồm:

a) Hệ thống cơ sở hạ tầng thông tin của hệ thống tổ chức thống kê nhà nước;

b) Cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia; kết nối cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và cơ sở dữ liệu của địa phương để cung cấp, cập nhật thông tin;

c) Cơ sở dữ liệu chuyên ngành;

d) Phần mềm ứng dụng;

đ) Các phương tiện, phương pháp thu thập, xử lý, tích hợp, phân tích và phổ biến thông tin.

2. Nhà nước khuyến khích doanh nghiệp cung cấp các sản phẩm, dịch vụ về phát triển, ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động thống kê.

3. Bộ trưởng Bộ Tài chính tổ chức, điều phối hoạt động phát triển, ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số thống nhất, bảo đảm đồng bộ hóa, tin học hóa, quy trình hóa trong hoạt động thống kê nhà nước. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện việc phát triển, ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động thống kê của bộ, ngành, địa phương.".

25. Bổ sung Điều 51a vào sau Điều 51 như sau:

"**Điều 51a. Cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia**

1. Cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia là cơ sở dữ liệu thống kê tổng hợp từ các dữ liệu thống kê, các cơ sở dữ liệu liên quan trên phạm vi toàn quốc, được kết nối, tích hợp, chuẩn hóa, lưu trữ, cập nhật, quản lý tập trung và vận hành thống nhất.

2. Cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia do Cơ quan thống kê trung ương chủ trì xây dựng, quản lý và cập nhật; bộ, ngành, địa phương có trách nhiệm cung cấp, cập nhật dữ liệu thống kê được phân công.

3. Cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia được cập nhật định kỳ từ các nguồn: Điều tra thống kê, chế độ báo cáo thống kê, dữ liệu hành chính, cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu của địa phương và các nguồn dữ liệu hợp pháp khác; bảo đảm tính chuẩn hóa, thống nhất, đầy đủ, chính xác và kịp thời.

4. Cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia được kết nối, chia sẻ với cơ sở dữ liệu chuyên ngành và cơ sở dữ liệu quốc gia theo quy định của pháp luật.".

26. Bổ sung điểm a1 vào trước điểm a khoản 2 Điều 53 như sau:

"a1) Cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia;".

27. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 62 như sau:

"3. Cơ quan thống kê trung ương là cơ quan thống kê quốc gia thực hiện chức năng tham mưu giúp Bộ trưởng Bộ Tài chính quản lý nhà nước về thống kê; tổ chức thực hiện hoạt động thống kê; điều phối hoạt động thống kê; cung cấp thông tin thống kê kinh tế - xã hội cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định; thực hiện vai trò trung tâm kết nối, tích hợp, quản lý thống nhất cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia.".

28. Sửa đổi, bổ sung Điều 64 như sau:

"**Điều 64. Hoạt động thống kê tại đơn vị hành chính cấp xã**

Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác thống kê phục vụ yêu cầu quản lý của cấp xã; thực hiện chế độ báo cáo thống kê của Nhà nước, phối hợp thực hiện điều tra thống kê.".

29. Bãi bỏ điểm đ khoản 2 Điều 44 và khoản 5 Điều 62.

30. Bỏ, thay thế một số cụm từ như sau:

a) Bỏ cụm từ ", cấp huyện" tại điểm d khoản 2 Điều 48, khoản 3 Điều 50, khoản 3 Điều 52 và khoản 2 Điều 59;

b) Thay thế cụm từ "cấp huyện" thành "cấp xã" tại khoản 4 Điều 12, khoản 3 Điều 13 và khoản 1 Điều 42;

c) Thay thế cụm từ "cấp huyện" thành "cơ sở" tại khoản 4 Điều 62;

d) Thay thế cụm từ "Bộ Kế hoạch và Đầu tư" bằng cụm từ "Bộ Tài chính" tại khoản 2 Điều 7, khoản 3 Điều 13, khoản 6 Điều 17, khoản 4 Điều 24, khoản 3 Điều 50, khoản 3 Điều 52, khoản 3 Điều 60 và khoản 2 Điều 62.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, Kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Trần Thanh Mẫn